

10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Lò hơi (22822302)

Ngày thi: 12/11/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B108

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 20

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123180096	Nguyễn Hoàng Anh	21/07/2005	CCQ2318C	1		6,5	5,0	5,6	
2	2123180078	Cao Tiến Đạt	25/12/2005	CCQ2318C			0,0			
3	2123180113	Hoàng Tiến Đạt	11/05/2005	CCQ2318C	1		7,7	6,0	6,7	
4	2123180097	Nguyễn Thành Đạt	03/12/2005	CCQ2318C	1		7,2	9,0	8,3	
5	2123180109	Trần Quang Đạt	20/12/2005	CCQ2318C	1		8,2	8,0	8,1	
6	2123180086	Nguyễn Tùng Dương	30/08/2004	CCQ2318C	1		6,3	8,0	7,3	
7	2123180090	Nguyễn Văn Đường	03/03/2005	CCQ2318C	1		8,3	8,0	8,1	
8	2123180088	Đoàn Thanh Duy	08/10/2002	CCQ2318C	1		7,0	3,5	4,9	
9	2123180104	Hoàng Quang Hường	06/04/2005	CCQ2318C	1		6,0	9,5	8,1	
10	2123180080	Nguyễn Phước Lên	13/03/2005	CCQ2318C	1		6,3	8,5	7,6	
11	2123180085	Trần Hoàng Minh	19/10/2004	CCQ2318C			0,0			
12	2123180130	Phạm Bá Ngà	09/11/2005	CCQ2318C	1		6,0	6,5	6,3	
13	2123180082	Phạm Phan Minh Quyên	29/11/2003	CCQ2318C	1		6,3	8,0	7,3	
14	2123180102	Lê Tấn Tài	24/03/2005	CCQ2318C	1		6,7	9,5	8,4	
15	2123180093	Nguyễn Thành Tài	02/02/2005	CCQ2318C	1		6,7	5,5	6,0	
16	2123180072	Nguyễn Minh Thái	03/09/2005	CCQ2318C	1		7,0	9,0	8,2	
17	2123180089	Trần Văn Thương	02/05/2005	CCQ2318C	1		8,5	9,5	9,1	
18	2123180112	Đặng Trung Tín	23/04/2001	CCQ2318C	1		6,7	9,5	8,4	
19	2123180095	Nguyễn Văn Tuấn	01/04/2005	CCQ2318C			0,0			
20	2123180101	Lê Lưu Tùng	02/06/2003	CCQ2318C	1		5,7	8,5	7,4	
21	2123180073	Nguyễn Hồng Ty	27/02/2005	CCQ2318C	2		5,2	4,0	4,5	
22	2123180092	Phạm Trung Vĩ	09/04/2004	CCQ2318C	1		6,0	6,0	6,0	